

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **60** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **07** tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

**Tổng hợp nội dung giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh
tháng 4/2023**

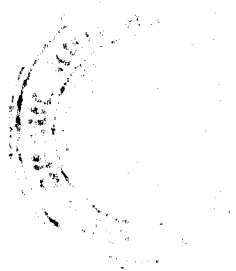
Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Kế hoạch số 08/KH-HĐND ngày 17/3/2023 về việc tổ chức giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh trong tháng 4/2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo đối với các nội dung Thường trực HĐND tỉnh đề nghị giải trình; trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND tỉnh tổng hợp báo cáo chi tiết theo phụ lục đính kèm./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TNMT, KHĐT, GTVT, TTTT, Y tế;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi; UBND thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các P. Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHa108.



Võ Phiên



Phụ lục

Tổng hợp nội dung giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh tháng 4/2023*(Kèm theo Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh)***I. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường****1. Về thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa, kết hợp chỉnh trang đồng ruộng**

1.1. Chính sách dồn điền đổi thửa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước; theo đó ngày 10/7/2013, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND thông qua chính sách hỗ trợ, khuyến khích thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 -2020. Đề nghị cho biết:

- Công tác “dồn điền đổi thửa” giai đoạn 2013 - 2020 có đạt kế hoạch đề ra không? Kết quả, hiệu quả đạt được như thế nào?

- Trên địa bàn tỉnh có còn nhu cầu “dồn điền đổi thửa” hay không? Tại sao chính sách có hiệu quả, nhu cầu còn, trong khi sản xuất nông nghiệp ở tỉnh ta còn khó khăn, tăng trưởng thấp hơn bình quân chung của cả nước, nhưng trong suốt 02 năm qua ngành không đề xuất kéo dài hoặc ban hành cơ chế mới để hỗ trợ và giải quyết khó khăn cho người dân, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp.

Trả lời:**a) Về công tác dồn điền đổi thửa giai đoạn 2013 - 2020:***a1) Kết quả triển khai:*

Từ năm 2013-2020, trên cơ sở Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2020; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020 để khuyến khích, đẩy mạnh thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn tỉnh.

Đến cuối năm 2020 toàn tỉnh đã dồn điền đổi thửa được 7.609,3 ha (đạt 71,52% so với kế hoạch là 10.639,2 ha), thực hiện chủ yếu trên diện tích đất

trồng lúa. Có 7/13 huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện (đạt tỷ lệ 53,8%), số xã thực hiện dồn điền đổi thửa là 69/263 xã; các huyện đã triển khai công tác dồn điền đổi thửa tốt như huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi (*Việc không đạt được kế hoạch đề ra là do các huyện miền núi triển khai thực hiện không được*).

Phần kinh phí thực hiện hàng năm của tỉnh chưa giao cụ thể chỉ tiêu diện tích thực hiện dồn điền đổi thửa, chỉ giao tổng kinh phí hỗ trợ nên các địa phương chưa chủ động triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo nhu cầu vốn. Do đó các địa phương thực hiện theo yêu cầu thực tế của địa phương không cân đối nguồn vốn tỉnh giao dẫn đến nợ đọng, chi tiết cụ thể:

- Tổng kinh phí thực hiện dồn điền đổi thửa là **186.379,8** triệu đồng (*ngân sách tỉnh: 152.763,82 triệu đồng, ngân sách huyện: 30.167,45 triệu đồng, ngân sách xã và nguồn khác: 3.448,22 triệu đồng*);

- Tổng kinh phí ngân sách và các nguồn khác thực cấp qua các năm: **143.544,0** triệu đồng (*ngân sách tỉnh: 109.928,02 triệu đồng, ngân sách huyện 30.167,75 triệu đồng, ngân sách xã và nguồn khác: 3.448.22 triệu đồng*);

- Tổng kinh phí còn thiếu: **42.835,8 triệu đồng**.

(*Cụ thể: Bình Sơn: 8.456,99 triệu đồng; Sơn Tịnh: 2.809,01 triệu đồng; thành phố Quảng Ngãi: 910,90 triệu đồng; Mộ Đức: 18.071,93 triệu đồng; thị xã Đức Phổ: 13.832,72 triệu đồng. Riêng Nghĩa Hành thừa 647,70 triệu đồng và Tư Nghĩa thừa 571,06 triệu đồng*).

- Về trách nhiệm:

+ Trách nhiệm trước hết thuộc về UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, thành phố Quảng Ngãi và thị xã Đức Phổ khi triển khai thực hiện vượt khả năng ngân sách giao nhưng không có báo cáo để xin chủ trương UBND tỉnh cho phép thực hiện, làm cơ sở để triển khai thực hiện và trả nợ theo quy định;

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, chưa kiểm tra, giám sát, cập nhật kịp thời tình hình thực hiện của các huyện.

a2) *Về hiệu quả đạt được:*

Có thể khẳng định chính sách hỗ trợ thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là một chính sách rất hiệu quả, hợp lòng dân. Trước đây, việc giao đất nông nghiệp cho các hộ dân sản xuất trên toàn tỉnh được thực hiện theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ với phương châm có gần, có xa, có tốt, có xấu; số lượng đất nông nghiệp của hộ nhiều hay ít phụ thuộc vào số nhân khẩu của mỗi hộ và diện tích đất nông nghiệp của từng địa phương. Do đó, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, khiến cho việc tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi giá trị gặp nhiều khó khăn, khó áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khó thực hiện cơ

giới hóa, không tạo được quy mô sản xuất lớn, hàng hóa đồng đều, gây phức tạp cho quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và tăng chi phí sản xuất; khắc phục được tình trạng manh mún ruộng đất, số thửa đất bình quân/hộ đã giảm từ 50-60% (từ 3-4 thửa/hộ giảm còn 1-2 thửa/hộ), việc tổ chức sản xuất, gieo trồng trên thửa đất mới thuận lợi, nhanh chóng, tạo động lực thúc đẩy cơ giới hóa; giảm được các chi phí nhân công như công làm đất, phòng trừ sâu bệnh, công thu hoạch sản phẩm, hiệu quả về kinh tế tăng khá rõ rệt so với trước đây, ước tính tăng khoảng trên 30%-40% giá trị.

b) Về nhu cầu dồn điền đổi thửa, việc đề xuất kéo dài hoặc ban hành cơ chế mới để hỗ trợ và giải quyết khó khăn cho người dân

b1) Về nhu cầu thực hiện dồn điền đổi thửa:

Diện tích đã thực hiện dồn điền đổi thửa từ năm 2013 - 2020 vẫn còn thấp (chiếm khoảng 20,9%) so với diện tích thực tế canh tác (*diện tích dồn điền đổi thửa là 7.609,3 ha trên 36.375 ha diện tích sản xuất lúa ổn định theo Quyết định 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025*), và chủ yếu tập trung trên đất trồng lúa. Do vậy nhu cầu thực hiện dồn điền đổi thửa trên đất sản xuất nông nghiệp là rất lớn.

b2) Về đề xuất kéo dài hoặc ban hành cơ chế mới để hỗ trợ dồn điền đổi thửa:

Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực thi hành vào cuối năm 2020.

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng Chính sách hỗ trợ dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 theo hướng phân giao việc hỗ trợ theo cấp ngân sách rõ ràng; kết hợp thực hiện kêu gọi xã hội hóa (Thông báo số 98/TB-UBND ngày 11/3/2022).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tích cực phối hợp với các sở, ngành, địa phương lập đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ khuyến khích thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 và gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Ngày 06/3/2023, UBND tỉnh tổ chức cuộc họp nghe báo cáo về kết quả xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và có ý kiến chỉ đạo tại Thông báo Kết luận số 123/TB-UBND ngày 10/3/2023, cụ thể:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, xây dựng ít nhất 03 phương án hỗ trợ thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa đến năm 2025; trong đó, làm rõ nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, tỷ lệ ngân sách các cấp tỉnh, huyện, xã hỗ trợ và nguồn đóng góp của dân; phân tích, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của từng phương án, đề xuất lựa chọn phương án tối ưu; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, trình UBND tỉnh xem xét chậm nhất đến ngày **15/4/2023**.

Ngày 15/3/2023 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương rà soát lại nhu cầu dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp của địa phương đến năm 2025; xác định rõ tổng diện tích, nguồn lực của địa phương đảm bảo thực hiện đến năm 2025 tại Công văn số 878/SNNPTNT-TTBVTV; đồng thời, tổ chức họp với UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Sở ngành liên quan để thống nhất các nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị xây dựng chính sách lần cuối trước khi trình UBND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

Đồng thời, để triển khai thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn tỉnh trong khi chờ ban hành Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện rà soát phương án xã hội hóa công tác dồn điền đổi thửa đối với từng trường hợp (xứ đồng); tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét cho chủ trương thực hiện; bên cạnh đó, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của người dân để đồng thuận tham gia công tác dồn điền đổi thửa theo phương án xã hội hóa (theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 204/TB-UBND ngày 25/5/2022).

Ngày 31/3/2023, UBND tỉnh đã cho chủ trương thực hiện **06 Phương án dồn điền đổi thửa không sử dụng ngân sách nhà nước với 06 cánh đồng, tổng diện tích 159,62 ha, tổng kinh phí thực hiện 23,021 tỷ đồng** (gồm: Mộ Đức: 02 cánh đồng với 93,95ha/9,208 tỷ đồng; Bình Sơn: 02 cánh đồng với 39,15ha/6,328 tỷ đồng; Sơn Tịnh 11,75ha/3,088 tỷ đồng; thị xã Đức Phổ: 14,77ha/4,397 tỷ đồng).

1.2. Công tác “dồn điền đổi thửa” giai đoạn 2013 - 2020 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Qua thống kê sơ bộ, đến nay vẫn còn 30.719 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa cấp (*trong tổng số 50.003 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần cấp*), làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền sử dụng đất của người dân; gặp khó khăn trong việc lập đề án chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp; chính quyền địa phương gặp khó khăn trong quản lý đất đai... Đề nghị cho biết nguyên nhân đến nay chưa cấp 30.719 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện xong dồn điền đổi thửa cho người dân và khi nào hoàn thành công tác này?

- Qua tiếp xúc cử tri phản ánh, ngoài việc còn thiếu kinh phí để chỉnh lý biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì một số nội dung

khác trong công tác dồn điền đổi thửa cũng thiếu kinh phí. Đề nghị cho biết nợ đọng trong lĩnh vực này đến nay là bao nhiêu? nguyên nhân và thuộc nhiệm vụ của cấp ngân sách nào? đến bao giờ thanh toán dứt điểm các khoản nợ trên?

Trả lời:

a) Về việc đến nay vẫn còn 30.719 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa cấp, gồm: Bình Sơn: 2.910 giấy; Sơn Tịnh: 3.025 giấy; thành phố Quảng Ngãi: không có báo cáo; Tư Nghĩa: 2.283 giấy/1.185 triệu đồng; Mộ Đức: 8.462 giấy; Đức Phổ: 3424 giấy; Nghĩa Hành: 2.587 giấy.

- Nguyên nhân:

+ Giấy chứng nhận bị thất lạc; một số trường hợp hộ gia đình vắng mặt tại địa phương chưa xác lập được hồ sơ cấp giấy chứng nhận, một số trường hợp chưa thực hiện các thủ tục phân chia thừa kế.

+ Công tác chia lại đất và giao đất tại thực địa có một số hộ chưa chính xác, biến động diện tích khá lớn so với diện tích của hộ trước khi dồn điền. Vì vậy, cần điều chỉnh lại diện tích của các hộ nên chưa thể thực hiện cấp GCNQSD đất.

+ Một số địa phương cấp xã khi lập hồ sơ cấp GCCQSDĐ dồn điền đổi thửa không kịp thời, kinh phí cho công tác cấp GCCQSDĐ đã bị tăng lên so với tại thời điểm lập Phương án dồn điền đổi thửa, nên không đủ kinh phí thực hiện và phần kinh phí đã cấp cũng bị thu hồi vì không kịp thực hiện, gồm:

+ Diện tích tăng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân do nhiều nguyên nhân như: bao chiếm, khai phá, ngoài sổ sách cân đối theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, chưa xác định rõ nguồn gốc, gây khó khăn trong công tác thực hiện cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Việc xác lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo Phương án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai, cá biệt có nơi chưa phù hợp với Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

+ Tiến độ thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa còn chậm; do đó, ảnh hưởng đến tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai có hiệu lực kể từ ngày 08/2/2021, việc thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa không thực hiện mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa. Một số địa phương không kịp thực hiện cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với công tác dồn điền đổi thửa, số kinh phí đã bị thu hồi trả về ngân sách tỉnh.

+ Hiện nay đơn giá đo đạc, chỉnh lý hồ sơ, cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có thay đổi, dẫn đến kinh phí thực hiện đối với công tác cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sau khi thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa tăng lên so với dự toán ban đầu của một số địa phương.

- Với thực trạng như trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, tổng hợp, phân loại các trường hợp tồn đọng trong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp đã thực hiện dồn điền đổi thửa giai đoạn 2013 – 2020; xây dựng kế hoạch, thời gian cụ thể để thực hiện; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vướng mắc nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của người sử dụng đất; chỉ đạo thanh toán nợ đọng trong việc thực hiện dồn điền đổi thửa và thanh quyết toán theo quy định.

b) Về vấn đề nợ đọng công tác dồn điền đổi thửa

- Trong quá trình thực hiện dồn điền đổi thửa từ năm 2013 - 2020, trên địa bàn toàn tỉnh đã triển khai thực hiện trên diện tích 7.609,28ha, với tổng kinh phí thực hiện dồn điền đổi thửa là **186.379,8** triệu đồng; tổng kinh phí ngân sách và các nguồn khác thực cấp qua các năm: **143.544,0** triệu đồng; tổng kinh phí còn thiếu: **42.835,8 triệu đồng** (Gồm: Bình Sơn: **8.456,99** triệu đồng; Sơn Tịnh: **2.809,01** triệu đồng; thành phố Quảng Ngãi: **910,90** triệu đồng; Mộ Đức: **18.071,93** triệu đồng; thị xã Đức Phổ: **13.832,72** triệu đồng. Riêng Nghĩa Hành thừa **647,70** triệu đồng và Tư Nghĩa thừa **571,06** triệu đồng).

- Nguyên nhân nợ đọng:

Chính sách hỗ trợ, khuyến khích chủ trương dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp là một chính sách hợp với lòng dân đã được các huyện đồng bằng tổ chức triển khai thực hiện được thuận lợi và hưởng ứng nhiệt tình. Trong khi đó, phần kinh phí thực hiện hàng năm của tỉnh chưa giao cụ thể chỉ tiêu diện tích thực hiện dồn điền đổi thửa, chỉ giao tổng kinh phí hỗ trợ nên các địa phương chưa chủ động triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo nhu cầu vốn. Do đó các địa phương thực hiện theo yêu cầu thực tế của địa phương không cân đối nguồn vốn tỉnh giao dẫn đến nợ đọng.

- Để giải quyết vấn đề tồn đọng trong thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2013 – 2020, UBND tỉnh đã có Công văn số 3741/UBND-NNTN ngày 03/8/2021 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích chủ trương dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 - 2020; Công văn số 7057/UBND-KTN ngày 24/12/2021 về việc tiếp tục bố trí kinh phí trả nợ đọng thực hiện chính sách “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 – 2020. Qua đó giao UBND các huyện, thị xã, thành phố tự

cân đối và sử dụng nguồn kinh phí của huyện, thị xã, thành phố để thanh toán.

2. Về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

2.1. Công viên, cây xanh được xem như lá phổi đô thị, có vai trò rất quan trọng trong đời sống con người, giúp cải thiện môi trường sống, góp phần kiến tạo cảnh quan; đồng thời, còn là nơi phục vụ cho các hoạt động nghỉ ngơi, giải trí, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa và tạo ra các không gian công cộng. Tại thành phố Quảng Ngãi, các công viên công cộng, cây xanh nhìn chung còn thiếu, chưa đáp ứng được các yêu cầu trên. Đề nghị cho biết thực tế và tiêu chí đất công viên công cộng, cây xanh trên đầu người bình quân ở khu vực thành phố Quảng Ngãi như thế nào? Việc quy hoạch, triển khai thực hiện quy hoạch công viên, cây xanh như thế nào? Những khó khăn, hạn chế và giải pháp phát triển công viên, cây xanh ở đô thị thành phố trong thời gian tới để đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng, số lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển, văn minh của thành phố Quảng Ngãi?

Trả lời:

a) *Thực tế và tiêu chí đất công viên công cộng, cây xanh trên đầu người bình quân ở khu vực thành phố Quảng Ngãi; việc quy hoạch, triển khai thực hiện quy hoạch công viên, cây xanh*

Theo nội dung Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Hội nghị Thành ủy lần thứ 6 (khóa XVI) về tiếp tục đầu tư, xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng để thành phố Quảng Ngãi sớm hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại II và đạt một số tiêu chí của đô thị loại I thì đến năm 2025 tỷ lệ cây xanh, thảm cỏ đô thị thành phố phải đạt 11 m²/người; hiện nay, chỉ tiêu diện tích cây xanh trên địa bàn thành phố đạt là 10,4 m²/người. Thời gian qua, UBND thành phố đã và đang tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt một số công viên cây xanh trên địa bàn thành phố như:

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích: được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13/3/2023; theo đó, diện tích quy hoạch khoảng 8,08ha có phạm vi giới cận phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu, phía Tây giáp đường Ngô Thị Nhậm, phía Nam giáp đường Hai Bà Trưng, phía Bắc giáp đường gom dọc đường Tôn Đức Thắng.

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực Công viên Thiên Bút: đang được UBND thành phố tổ chức lập (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 6941/UBND-KTN ngày 21/12/2021); đến nay, phương án quy hoạch đã cơ bản hoàn thiện, lấy ý kiến các cơ quan hữu quan và cộng đồng dân cư trong khu vực. UBND thành phố đã trình Sở Xây dựng thẩm định quy hoạch và dự kiến sẽ hoàn thành phê duyệt quy hoạch trong **Quý II/2023**. Khu vực lập quy hoạch có diện tích khoảng 41,64 ha thuộc phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường Lý Thường Kiệt, phía

Tây giáp đường Quang Trung, phía Nam giáp đường quy hoạch, phía Bắc giáp đường Cao Bá Quát.

- Quy hoạch phân khu TL 1/2000 khu vực Công viên trung tâm thành phố mở rộng: đã tổ chức họp thông qua với các Phòng, ban, đơn vị của thành phố và tiếp thu ý kiến của địa phương; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư nội dung đồ án Quy hoạch. Hiện nay, Đồ án quy hoạch đang được tổ chức hoàn thiện để làm cơ sở trình thẩm định phê duyệt; dự kiến sẽ hoàn thành phê duyệt quy hoạch trong *Quý II/2023*. Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có diện tích khoảng 341 ha thuộc xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi với giới cận: Phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Khu dân cư hiện hữu, phía Nam giáp sông Trà Khúc, phía Bắc giáp Khu dân cư hiện hữu.

b) *Khó khăn, hạn chế và giải pháp*

- Những khó khăn, hạn chế trong công tác phát triển công viên, cây xanh ở đô thị thành phố:

+ Nội dung các đồ án quy hoạch xây dựng được lập và duyệt đều cơ bản đáp ứng được các chỉ tiêu về diện tích cây xanh công cộng tối thiểu theo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng; tuy nhiên, trong thực tế do nguồn lực đầu tư còn hạn chế nên chưa thể triển khai thực hiện theo đúng các đồ án quy hoạch được duyệt.

+ Hiệu quả kinh tế đầu tư các dự án công viên cây xanh chưa cao (*không bằng các Dự án có giá trị sinh lợi cao như: khu thương mại, khu dân cư, khu đô thị, ...*) nên rất khó kêu gọi, thu hút các nguồn vốn xã hội hóa tham gia phát triển cây xanh đô thị; bên cạnh đó, các khu vực không gian cây xanh, công viên nội bộ trong các dự án khu dân cư, khu đô thị thời gian quan chưa được các Chủ đầu tư quan tâm, chú trọng thực hiện theo đúng phương án thiết kế.

+ Việc đầu tư xây dựng công viên cây xanh theo quy hoạch đến nay chủ yếu thực hiện từ nguồn ngân sách thành phố; tuy nhiên, trong điều kiện ngân sách hạn hẹp của thành phố, cần tập trung ưu tiên đầu tư cho các nhu cầu cấp bách khác như: đường giao thông, trường học, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu khác. Bên cạnh đó, các vướng mắc trong công tác bồi thường cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ, công tác đầu tư công viên cây xanh trong khu vực đô thị của thành phố trong thời gian qua.

- Giải pháp phát triển công viên, cây xanh ở đô thị thành phố trong thời gian tới để đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng, số lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển, văn minh của thành phố Quảng Ngãi:

+ Tập trung chỉ đạo thực hiện đầu tư các khu công viên, vườn hoa cây xanh theo quy hoạch được duyệt nhằm tăng cường mảng xanh trong khu vực thành phố Quảng Ngãi; ưu tiên dành quỹ đất cho phát triển công viên cây

xanh trong các dự án trụ sở các cơ quan hành chính, công trình công cộng trên địa bàn.

+ Phối hợp với các sở ngành đề nghị các nhà đầu tư đề xuất đầu tư hạng mục cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo chỉ tiêu cây xanh theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng; tăng cường công tác kêu gọi, thu hút nguồn vốn xã hội tham gia phát triển cây xanh đô thị;

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, rà soát, bố trí quỹ đất, tạo quỹ đất phát triển công viên cây xanh; hạn chế, thận trọng trong việc chuyển đổi công năng của công viên cây xanh khi xem xét điều chỉnh quy hoạch.

+ Chủ động làm việc và yêu cầu các Chủ đầu tư bàn giao các khu công viên cây xanh, thể dục thể thao công cộng cho thành phố để quản lý, khai thác, vận hành sau khi đầu tư xong.

2.2. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 18 cụm công nghiệp (CCN) đã được đầu tư xây dựng đi vào hoạt động nhưng không có CCN nào đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, nên nước thải được thải ra các kênh mương gần khu vực. Trong đó, hoạt động của một số CCN (Tịnh Ấn Tây, Đồng Dinh...) xả thải làm ô nhiễm môi trường, gây bức xúc cho người dân sống gần khu vực CCN. Năm 2019, được sự thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ cho UBND thành phố Quảng Ngãi 10 tỷ đồng để đầu tư Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại CCN Tịnh Ấn Tây. Tuy nhiên, đến đầu năm 2023, vẫn còn tình trạng doanh nghiệp sản xuất trong CCN Tịnh Ấn Tây xả thải chưa qua xử lý ra môi trường. Đề nghị cho biết tình hình, tiến độ triển khai thực hiện dự án? Giải pháp thực hiện các dự án xử lý nước thải tập trung tại các CCN thời gian tới.

Trả lời:

Tại Quyết định số 385/UBND ngày 28/5/2019, UBND tỉnh có bố trí 10 tỷ đồng để thực hiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây thành phố Quảng Ngãi (*Quy mô công suất dự kiến 500m³/ngày đêm*).

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế lượng nước thải tại Cụm công nghiệp chỉ có khoảng 35m³/ngày đêm (*Vì một số doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước nhiều, báo cáo là sử dụng nước tuần hoàn đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của cấp thẩm quyền*) nên cần quan trắc xác định nguồn ô nhiễm để có phương án xử lý hiệu quả. Ngoài ra, vị trí khu vực quy hoạch xây dựng trạm xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Trung tâm dịch vụ đào tạo và Sát hạch lái xe Đất Quảng.

Mặt khác, định hướng của UBND thành phố kiến nghị di dời Cụm Công nghiệp Tịnh Ấn Tây nhằm sử dụng vị trí này với chức năng phát triển đô thị (*trong thời gian đến đối với Cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây từng bước*

di dời ra khỏi khu vực đô thị trung tâm thành phố chuyển đổi chức năng để phát triển đô thị và được thể hiện khi điều chỉnh trong Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 phê duyệt tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 là Trung Tâm Logistic).

Với những lý do trên, nhằm tránh lãng phí khi đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây, UBND thành phố đã có văn bản xin chuyển nguồn vốn đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây qua dự án khác và không thực hiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây. Nguồn vốn bố trí cho dự án này và dự án đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ KDC Yên Phú đến đường Nguyễn Công Phương) xin chuyển qua bố trí cho dự án: Xây dựng trường THCS Nghĩa Phú nhưng không được tính bố trí và đã thu hồi vốn bố trí.

2.3. Ngành công nghiệp giữ vai trò trụ cột trong tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh. Phát triển công nghiệp vừa đóng góp nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, vừa giải quyết việc làm cho người lao động; tuy nhiên một số ngành công nghiệp như thép, giấy,... thuộc loại hình có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường. Nhất là hiện nay dự án Nhà máy bột giấy VNT-19 sẽ đưa vào hoạt động thử nghiệm vào cuối tháng 12/2023, dự kiến hoạt động chính thức cuối quý IV/2024. Vì vậy, yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng trở nên cấp thiết hơn. Đề nghị cho biết:

- Hiện nay, việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị của tỉnh để kiểm soát môi trường, giám sát các nguồn khí thải, nước thải phát sinh có đảm bảo không, nhằm sớm phát hiện các nguy cơ và nguồn phát sinh ô nhiễm môi trường, tránh xảy ra sự cố môi trường.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có bao nhiêu dự án phát sinh khí thải, nước thải phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải, nước thải theo quy định nhưng chưa triển khai thực hiện? Giải pháp trong thời gian tới.

Trả lời:

Hiện nay, thực hiện Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nội dung quan trọng được Đảng ta quyết liệt chỉ đạo triển khai trong những năm qua nhằm sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định sự quyết tâm triển khai mạnh mẽ nội dung này trong những năm tới.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, ngành công nghiệp giữ vai trò trụ cột trong tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển ngành công nghiệp vừa đóng góp nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, vừa giải quyết việc làm cho người lao động. Đi cùng với phát triển ngành công nghiệp nhất là các ngành công nghiệp thuộc loại hình có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường như sản xuất thép, bột giấy, lọc hóa dầu,.. đã đặt ra một số thách

thức trong công tác quản lý môi trường để đảm bảo phát triển bền vững của tỉnh.

Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã quy định đồng bộ các công cụ quản lý môi trường theo từng giai đoạn của dự án, bắt đầu từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thực hiện dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành chính thức và kết thúc dự án. Do vậy, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành liên quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ các dự án phải đầu tư công trình bảo vệ môi trường và tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, năm 2017 UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục để giám sát, quản lý các dự án có phát sinh nguồn khí thải, nước thải lớn. Hiện nay, Hệ thống này đang hoạt động và có 08 doanh nghiệp (gồm 9 cơ sở sản xuất, dịch vụ), với tổng số 23 trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục đã kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường và về Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát. Đây là một trong những biện pháp quản lý quan trọng giúp phát hiện kịp thời nguy cơ ô nhiễm môi trường, nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở sản xuất (trong đó có Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Nhà máy tinh bột mì Quảng Ngãi, Nhà máy sản xuất xi măng... và sắp đến là Nhà máy Bột - Giấy VNT19). Bên cạnh đó, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh thực hiện chương trình quan trắc và kiểm soát nguồn ô nhiễm môi trường, qua đó theo dõi diễn biến chất lượng môi trường cũng như giám sát các nguồn ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

Qua báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, hiện nay ngoài các dự án phát sinh nước thải, khí thải thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục đã kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường thì còn một số đối tượng tập trung vào các cụm công nghiệp, Khu công nghiệp (KCN Quảng Phú, Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất,..) chưa thực hiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động, liên tục. Về nội dung này, UBND tỉnh có Văn bản số 3679/UBND-KTN ngày 27/7/2022 chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại toàn bộ hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường các khu công nghiệp, khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế, cụm công nghiệp; từ đó xây dựng lộ trình, kế hoạch đầu tư để đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan, địa phương liên quan rà soát các dự án thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục tổ chức thực hiện

theo đúng lộ trình được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

II. Lĩnh vực đầu tư, xây dựng, thương mại, dịch vụ

1. Về kết quả khắc phục tình trạng “quy hoạch treo” và “dự án treo” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Cử tri đã nhiều lần kiến nghị về tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, Khu kinh tế Dung Quất... và Thủ tướng Chính phủ cũng có Công văn số 4358/VPCP-CN ngày 13/7/2022 chỉ đạo khắc phục tình trạng “quy hoạch treo” và “dự án treo”, nhưng đến nay tình trạng trên vẫn chuyển biến chậm. Đề nghị cho biết các biện pháp đã triển khai trong thời gian qua? nguyên nhân tình hình trên chưa được khắc phục? các giải pháp trong thời gian tới để sớm khắc phục tình trạng trên.

Trả lời:

Liên quan đến khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”, “dự án treo”, ngay sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại văn bản số 4358/VPCP-VN ngày 13/7/2022, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai tại Công văn số 4096/UBND-KTN ngày 15/8/2022, trong đó giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan rà soát toàn diện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc địa bàn quản lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện chính sách về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quản lý sử dụng đất đai; rà soát các dự án thực hiện không đúng tiến độ, kiên quyết thu hồi những dự án chậm tiến độ mà không có giải pháp khắc phục, v.v...

Từ sau khi Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đến nay UBND tỉnh đã thu hồi, bãi bỏ hiệu lực pháp lý chủ trương đầu tư của **18 dự án**, góp phần vào việc thực hiện xử lý các “dự án treo”. Như vậy, đối với nội dung khắc phục các “dự án treo”, thời gian qua UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao, cơ quan đăng ký đầu tư cũng đã tích cực rà soát, tham mưu xử lý theo đúng quy định, tình hình xử lý các “dự án treo” chuyển biến tích cực.

Việc khắc phục còn chậm chủ yếu là do hành lang pháp luật (Luật Đất đai, Luật Đầu tư) để xử lý các dự án đầu tư không đúng tiến độ còn một số quy định chưa rõ ràng, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc xử lý chấm dứt hoạt động dự án, chấm dứt chủ trương đầu tư, điển hình là nhóm các dự án các nhà đầu tư có thực hiện nhiều thủ tục nhưng chưa được giao đất.

Để khắc phục, trong thời gian đến, các cơ quan đăng ký đầu tư tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, rà soát các dự án, làm việc với các nhà đầu tư để chấn chỉnh, đôn đốc việc thực hiện dự án theo tiến độ được duyệt, kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý theo quy định; đối với các dự án chây ì thì xem xét thành lập đoàn thanh tra hoặc kiểm tra liên ngành để thanh, kiểm

tra, làm cơ sở xử lý phù hợp.

2. Việc triển khai, thực hiện Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh

Ngày 18/6/2020, Quốc hội ban hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021); việc thu hút nguồn lực của nhà đầu tư tư nhân để cùng với Nhà nước đầu tư hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục - đào tạo, thủy lợi, công nghệ thông tin... sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tỉnh ủy, HĐND, UBND cũng có nhiều văn bản khuyến khích thực hiện phương thức đầu tư này. Tuy nhiên, đến nay việc thực hiện thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh còn chậm. Đề nghị cho biết: Kết quả triển khai thực hiện đầu tư theo phương thức (PPP) trên địa bàn tỉnh thời gian qua như thế nào? đến nay đã có bao nhiêu dự án đầu tư (PPP) được thực hiện? nguyên nhân thu hút dự án đầu tư (PPP) trên địa bàn tỉnh đạt thấp? giải pháp thu hút dự án đầu tư (PPP) trong thời gian tới.

Trả lời:

a) Kết quả triển khai thực hiện đầu tư theo phương thức PPP trên địa bàn tỉnh thời gian qua:

Từ năm 2020 trở về trước, Quảng Ngãi đã phê duyệt 02 dự án thực hiện đầu tư theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT) là (1) *Công viên Thiên Bút* và (2) *Nâng cấp đường cơ động đảo Lý Sơn (đoạn từ vũng neo đậu tàu thuyền thôn Tây, xã An Vĩnh đến khách sạn Mường Thanh)*, nhưng sau khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thì vướng một số thủ tục pháp lý và phải huỷ bỏ.

Kể từ khi Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) được ban hành năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, UBND tỉnh đã ban hành hướng dẫn số 3839/UBND-CNXD ngày 06/8/2021 hướng dẫn về trình tự thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các Sở, ban ngành, địa phương đề xuất danh mục dự án PPP để thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư dự án PPP. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có dự án PPP nào được đưa vào danh mục vì các dự án của tỉnh khó có khả năng thu hút đầu tư để đầu tư theo hình thức PPP.

Ngày 20/3/2023, UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND tỉnh Kon Tum đã có buổi làm việc và thống nhất báo cáo, kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum và kiến nghị đầu tư, xây dựng theo phương thức đối tác công tư (PPP).

b) Nguyên nhân thu hút dự án PPP trên địa bàn tỉnh thấp:

- *Về mặt pháp lý:* Luật PPP và Nghị định hướng dẫn đã được ban hành và có hiệu lực từ năm 2021, nhưng đến nay ngoài lĩnh vực giao thông thì các

Bộ ngành vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn chuyên ngành liên quan làm cho các địa phương ngần ngại triển khai các dự án PPP theo các lĩnh vực này vì một dự án PPP liên quan đến rất nhiều vấn đề, nhất là vấn đề tài chính. Đồng thời, quá trình triển khai thực hiện Luật PPP vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý để sửa đổi luật PPP.

- *Về khả năng thu hút dự án PPP*: Trước đây, các tỉnh lẻ thu hút đầu tư được loại hình dự án này chủ yếu là loại hợp đồng BT (đổi đất lấy hạ tầng), tuy nhiên từ sau khi Luật PPP được ban hành thì đã không còn loại hợp đồng BT, vì vậy các địa phương đã giảm đáng kể sự thu hút đối với các dự án PPP, vì các loại hình hợp đồng còn lại khó có khả năng thu hút đầu tư ở các tỉnh, cụ thể: loại hợp đồng BOT chỉ thu hút các dự án giao thông, đa phần là đường mới và cao tốc; loại hình BLT chủ yếu thu hút vào các dự án trụ sở cơ quan,...

Thực tế triển khai trên toàn quốc thời gian qua, theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8336/BKHĐT-QLĐT ngày 17/11/2022 về tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP thì sau khi Luật PPP ban hành, cả nước **chỉ có 3 dự án PPP mới** đã được cấp chủ trương đầu tư (là các dự án BOT cao tốc), và chỉ có 5 dự án đang trình thẩm định chủ trương; đồng thời qua tham khảo các địa phương thì cũng đang lúng túng và không có dự án PPP nào.

Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp và kéo dài trên toàn thế giới dẫn đến tình hình kinh tế thế giới biến động mạnh, ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư trên nhiều lĩnh vực, do đó việc huy động vốn trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn.

c) Giải pháp trong thời gian tới

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan tập trung chủ động rà soát, xây dựng danh mục các dự án PPP hiệu quả và có khả năng thu hút để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Quảng Ngãi.

- Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch và chủ trương đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT.

3. Về vấn đề phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản sau ngày 01/01/2015

Ngày 30/4/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg yêu cầu các địa phương thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, bảo đảm không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản sau ngày 31/12/2014. Việc để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản sau ngày 31/12/2014 sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, sau ngày 01/01/2015, trên địa bàn tỉnh vẫn phát sinh

nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc ngân sách cấp huyện. Theo Báo cáo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021, thì tổng số nợ đọng ngân sách huyện lũy kế đến ngày 31/01/2022 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp là 289,166 tỷ đồng. Đề nghị cho biết:

- Nguyên nhân để phát sinh nợ đọng; trách nhiệm thuộc về ai ?

- Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015. Cho biết giải pháp để xử lý nợ đọng phát sinh sau ngày 01/01/2015 nêu trên?

Trả lời:

Việc gây nợ đọng xây dựng cơ bản là hành vi bị cấm theo quy định của Luật Đầu tư công. Do đó, trong quá trình điều hành kế hoạch vốn đầu tư công, UBND tỉnh đã có rất nhiều văn bản chỉ đạo và yêu cầu các đơn vị chủ đầu tư triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch vốn được giao, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, tình trạng này vẫn còn tiếp diễn sau ngày 01/01/2015 đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện. Qua rà soát, nguyên nhân chính gây nợ đọng xây dựng cơ bản là do: (1) Các địa phương phê duyệt quyết định đầu tư chưa đảm bảo nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (*trong đó, thời gian vừa qua, nhiều dự án được các huyện phê duyệt cơ cấu vốn ngân sách tỉnh vượt số vốn do tỉnh hỗ trợ*); (2) Điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư dẫn đến không có kế hoạch bố trí vốn; (3) Bố trí kế hoạch vốn không đủ tổng mức đầu tư được duyệt. Như vậy, trách nhiệm để phát sinh nợ đọng là của các địa phương do chưa tuân thủ đúng theo quy định của Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Luật Đầu tư công.

Theo quy định của khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công năm 2019, chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng XDCB phát sinh trước ngày 01/01/2015. Như vậy, Luật Đầu tư công xác định không bố trí vốn đầu tư công để thanh toán nợ đọng XDCB phát sinh kể từ ngày 01/01/2015 trở về sau, nên việc bố trí vốn để xử lý cho trường hợp này phải từ các nguồn vốn hợp pháp khác của các địa phương. Căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước 2015, việc sử dụng nguồn tăng thu ngân sách nhà nước được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi; bổ sung quỹ dự trữ tài chính; bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương... Do đó, việc ưu tiên sử dụng nguồn vượt thu ngân sách cấp huyện (bao gồm cả vượt thu tiền sử dụng đất) để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản là một giải pháp thực hiện nhằm xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản hàng năm của các địa phương.

4. Việc thực hiện Đề án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2016 - 2020, cơ chế hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi đã đạt những kết quả nhất định, bố trí 187 tỷ

đồng để hỗ trợ xi măng cho 215 lượt xã; kết quả đã đầu tư xây dựng được hơn 4.464 tuyến, đoạn tuyến với hơn 1.009 km đường được đầu tư xây dựng. Giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Đề án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; theo đó, nhu cầu khối lượng xi măng hỗ trợ là 160.000 tấn (*thực hiện từ năm 2022, mỗi năm bình quân 40.000 tấn/năm*), tổng kinh phí thực hiện là khoảng 933 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách tỉnh là 280 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong 02 năm 2022 và 2023, ngân sách tỉnh chỉ mới bố trí khoảng 77 tỷ đồng để thực hiện Đề án. Đề nghị cho biết:

- Việc bố trí vốn như trên có đảm bảo đạt kế hoạch, tiến độ theo Đề án đề ra hay không?

- Trong 02 năm 2024 và 2025 còn lại trong kế hoạch thực hiện Đề án cần có những giải pháp gì để đạt kế hoạch đã đề ra (*như ưu tiên các nguồn vượt thu, kết dư ngân sách... để bố trí cho Đề án*)?

Trả lời:

a) Về việc bố trí kinh phí

- Trong giai đoạn 2016 -2020, thông qua cơ chế hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi của tỉnh đã tạo động lực mạnh mẽ trong Nhân dân tự nguyện đóng góp nguồn lực (*ngày công, tiền, vật liệu, hiến đất...*) để làm đường giao thông nông thôn trên phạm vi toàn tỉnh và lan tỏa khắp các thôn, các xã.

Nhờ vậy, trong giai đoạn 2021-2025, Sở Giao thông vận tải tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 09/12/2021¹ (*sau đây gộp tắt là Đề án*).

Kết quả thực hiện trong năm 2022, UBND tỉnh đã bố trí gần 27 tỷ đồng để thực hiện Đề án; triển khai hỗ trợ cho 67 xã, với 12.998 tấn xi măng (853 tuyến, tương ứng với hơn 119km đường GTNT). Đến ngày 31/01/2023, có 67 xã đã hoàn thành tiếp nhận xi măng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ xi măng (*Riêng huyện Ba Tư còn chưa thực hiện giải ngân là 237.247.500/880.833.500 đồng thuộc các xã: Ba Vì, Ba Điền, Ba Liên, Ba Dinh, Ba Tô; nguyên nhân do nguồn kinh phí đợt 3² đến ngày 30/12/2022 mới cấp cho UBND huyện (142.406.000 đồng) nên các xã chưa kịp thời hoàn thành các thủ tục giải ngân kinh phí, mặt dù đã hoàn thành tiếp nhận xi măng trước ngày 31/12/2022 và Sở GTVT đã có văn bản đề nghị Sở KH&ĐT*

¹ Nhu cầu khối lượng xi măng hỗ trợ là 160.000 tấn (thực hiện từ năm 2022, mỗi năm bình quân 40.000 tấn/năm), tổng kinh phí thực hiện là khoảng 933 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách tỉnh là 280 tỷ đồng.

² Tại Công văn số 5117/STC-NS ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính.

phối hợp với Sở TC chuyển nguồn sang năm 2023 tiếp tục thực hiện). Đến thời điểm này, đã có 57/67 xã hoàn thành việc thi công xây dựng đường GTNT theo khối lượng được duyệt (8 xã còn lại vẫn còn một số tuyến chưa thi công hoàn thành và 01 xã chưa tổ chức thi công³), khối lượng xi măng đã thi công 12.628,3 tấn/12.998 tấn, số tuyến thi công hoàn thành là 812 tuyến/853 tuyến, số km đường hoàn thành là 104,7Km/119Km (dự kiến trong tháng 04/2023, 09 xã nêu trên sẽ thi công hoàn thành theo báo cáo đánh giá từ các địa phương).

Đối với năm 2023, UBND tỉnh đã bố trí 50 tỷ đồng. Hiện nay, Sở GTVT xây dựng dự toán hỗ trợ cho 125 xã trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức cung cấp xi măng cho các xã. Dự kiến trong Quý II/2023 sẽ cung cấp xi măng.

- Về nguồn vốn đã bố trí đến thời điểm này là 76,975 tỷ đồng, đạt 27,5% tổng kế hoạch vốn trung hạn tỉnh giao để thực hiện Đề án. Nguyên nhân tỷ lệ bố trí vốn đạt thấp là do nguồn lực của tỉnh hàng năm có hạn; đồng thời, Trung ương chậm giao vốn và chậm ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, do đó tỉnh gặp khó khăn và không chủ động trong việc bố trí vốn. Tuy nhiên, vì cơ chế hỗ trợ xi măng cho các tuyến đường GTNT có quy mô nhỏ, nên có thể triển khai thực hiện nhanh chóng, linh hoạt. Do vậy, việc bố trí vốn như trên có thể đảm bảo kế hoạch, tiến độ theo Đề án nếu tỉnh cân đối được nguồn vốn.

b) Giải pháp

- Trong 02 năm 2024 và 2025 còn lại, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ngành liên quan (các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải) đề cân đối, bố trí các nguồn vốn (xây dựng cơ bản tập trung, xổ số kiến thiết, vượt thu, kết dư...từ nguồn ngân sách tỉnh) nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra trong Đề án.

- Trong 02 năm 2024 và 2025 còn lại, Sở Giao thông vận tải sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương:

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; nhân rộng các mô hình hay⁴ trong huy động nguồn lực từ Nhân dân của các địa phương để lan tỏa phong trào xây dựng đường GTNT từ cơ chế hỗ trợ xi măng từ thôn, bản đến xã, đến

³ Các xã thi công chưa hoàn thành gồm: Đức Tân (còn 4/27 tuyến), Đức Thạnh (còn 3/17 tuyến), Đức Minh (còn 10/67 tuyến), Đức Nhuận (còn 1/4 tuyến) huyện Mộ Đức; Sơn Trung (còn 4/13 tuyến) huyện Sơn Hà; Sơn Mùa huyện Sơn Tây (còn 4/5 tuyến); Tịnh Ấn Tây (còn 3/11 tuyến), Tịnh Ấn Đông (còn 4/13 tuyến) thành phố Quảng Ngãi và xã Trà Thanh huyện Trà Bồng (còn 8/8 tuyến).

⁴ Xã Ba Vì đã phân công cho các đồng chí Ủy viên BCH trực tiếp phụ trách các tuyến đường và nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, nhân dân toàn xã tự nguyện đóng góp nguồn lực, các thợ có tay nghề và công chức, lao động tại xã tình nguyện tham gia xây dựng đường GTNT. Nhờ vậy, trong thời gian 12 ngày, xã đã tổ chức thi công 2km (06 tuyến đường) đường GTNT từ cơ chế hỗ trợ xi măng.

huyện, nhất là các huyện miền núi, nhằm thu hút người dân tham gia, đăng ký, tự nguyện đóng góp nguồn lực vào xây dựng đường GTNT trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Rà soát, đánh giá lại nhu cầu thực tế của địa phương để tham mưu điều chỉnh cho phù hợp (vì khi xây dựng Đề án, UBND các xã và UBND các huyện, thị xã, thành phố mới chỉ dự kiến nhu cầu và nguồn lực đối ứng để thực hiện cho cả giai đoạn; tuy nhiên tùy thuộc vào điều kiện thực tế ngân sách cấp huyện, cấp xã và nguồn lực huy động trong Nhân dân hằng năm, có thể trong giai đoạn 2024-2025 nhu cầu xi măng có thể giảm so với Đề án), nhằm đảm bảo thực hiện hoàn thành Đề án.

c) Kiến nghị:

Hiện nay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chủ yếu là các xã miền núi vùng cao, kinh tế các xã và nhân dân khó khăn, việc huy động các loại vật liệu cát, đá, sỏi rất khó khăn (*chỉ huy động ngày công*). Do vậy, các xã tại các huyện miền núi, ngoài xi măng do UBND tỉnh hỗ trợ, còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn của huyện, của xã, huy động từ nhân dân để chi phí cho việc mua các loại vật liệu đá, cát, sỏi nên kinh phí huyện, xã không kham nổi. Kiến nghị cho phép các xã này khai thác các vật liệu tại chỗ như: Sạn, cát tại các sông suối để làm đường giao thông nông thôn.

5. Về thi công các tuyến đường trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất chậm trễ, gây ảnh hưởng đến người dân và phương tiện tham gia giao thông

Cử tri huyện Bình Sơn phản ánh, hiện nay nhiều tuyến đường trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất bị hư hỏng nặng nhưng chưa được đầu tư sửa chữa; có nhiều tuyến đường được đầu tư, xây dựng nhưng triển khai thực hiện chậm (*như tuyến đường nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường đi qua địa bàn xã Bình Trị và Bình Hải có chiều dài 9,6 km đã được đầu tư, khởi công xây dựng năm 2014, dự kiến năm 2018 đưa vào sử dụng, nhưng sau 8 năm con đường này vẫn còn dang dở,...*) ảnh hưởng rất lớn đến đời sống người dân. Đề nghị cho biết: Tình hình đầu tư, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất? Nguyên nhân của việc thi công các tuyến đường chậm trễ như trên? Có giải pháp gì để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và bao giờ thực hiện sửa chữa, xây dựng hoàn thành các tuyến đường trên địa bàn?

Trả lời:

a) Các dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông

a1) Tình hình đầu tư

Trên địa bàn huyện Bình Sơn hiện đang triển khai đầu tư xây dựng 05 hạng mục, công trình đường giao thông do Ban Quản lý KKT Dung Quất và

các KCN Quảng Ngãi làm Chủ đầu tư gồm (1) Dự án Tuyến đường Trì Bình - cảng Dung Quất, (2) Dự án Tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường, (3) Dự án Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1, (4) Công trình Tuyến đường số 6 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông, (5) Công trình Tuyến đường ngang khu Liên cơ Cảng vụ thuộc Dự án Thành phần II, đoạn Bình Long - cảng Dung Quất giai đoạn 2; tình hình thực hiện của từng dự án đến nay như sau:

(1) Dự án Tuyến đường Trì Bình - cảng Dung Quất (dài khoảng 6,276km): Đã thi công cơ bản hoàn thành đoạn tuyến từ Km2+00÷Km6,276; đạt 92,7% khối lượng xây lắp của công trình; hiện đang xử lý lún nền đường đoạn đầu tuyến từ Km0 ÷ Km1+00; sẽ thi công hoàn thành dứt điểm dự án trong năm 2023.

(2) Dự án Tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường:

- Đối với đoạn tuyến từ Km0-Km1+940; Km4+961-Km 9+612,94 và cầu Bàu Chiếu: Hiện nay đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

- Đối với đoạn tuyến từ Km1+940-Km3+761: Tình hình thực hiện, cụ thể như sau:

+ Đối với các đoạn tuyến đã bồi thường, GPMB gồm: Từ Km2-Km2+340; Km2+520-Km2+620; Km3+142-Km3+400. Hiện nay, đã hoàn thành thẩm nhạ.

+ Đối với các đoạn tuyến còn lại do vướng mắc bồi thường, GPMB chưa triển khai thi công gồm các trường hợp: Hộ ông Bùi Đức Toàn, Bà Nguyễn Thị Chỉ (02 vị trí: vị trí đất nông nghiệp và vị trí cấp Giấy CNQSD đất ở trên đất đã bồi thường); 03 trường hợp GPMB năm 2015 nhưng chưa xử lý thủ tục cấp đất TĐC; Chợ tạm xã Bình Hải; hộ bà Thái Thị Cư (ông Bùi Khắc Nghĩa mua lại đất); hộ ông Phan Thanh Hòa và 07 trường hợp có nhà ở, phê duyệt phương án bồi thường năm 2014 nhưng chưa được xử lý thủ tục cấp đất tái định cư. Đây là những trường hợp vướng mắc kéo dài qua nhiều năm, mặc dù UBND huyện Bình Sơn, Ban Quản lý đã tích cực phối hợp giải quyết, nhưng các hộ dân vẫn không chịu nhận tiền, bàn giao mặt bằng thi công. Trong thời gian đến, Ban Quản lý tiếp tục phối hợp với UBND huyện Bình Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bình Sơn để sớm giải quyết, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công. Dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2023.

- Đối với đoạn tuyến từ Km3+761-Km5+340: Hiện nay, đã thi công được khoảng 10% khối lượng hợp đồng, còn lại đều vướng bồi thường, GPMB theo Phương án bồi thường đợt 4 - (phần đất ở), Phương án bồi thường, hỗ trợ Phê duyệt tại Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 30/9/2019.

Đây là những trường hợp vướng mắc kéo dài qua nhiều năm, mặc dù UBND huyện Bình Sơn, Ban Quản lý đã tích cực phối hợp giải quyết nhưng các hộ dân vẫn không chịu nhận tiền, bàn giao mặt bằng thi công. Trong thời gian đến, Ban Quản lý tiếp tục phối hợp với UBND huyện Bình Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bình Sơn để sớm giải quyết, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công. Trường hợp đến tháng 6/2023 không giải quyết được dứt điểm các vướng mắc này, Ban Quản lý tổ chức đi hiện trường cùng với đơn vị Tư vấn để đưa ra giải pháp xử lý xin tạm dừng (*điểm dừng kỹ thuật*) dự án để quyết toán hoàn thành dự án trong năm 2023.

(3) Dự án Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 (*dài khoảng 1,563km*):

- Đoạn 130m đầu tuyến có lý trình từ Km0+00÷Km0+292,40: đang vướng mắc về bồi thường, GPMB nên chưa thể triển khai thi công;

- Đoạn tuyến từ Km0+292÷Km1+069,6: Đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

- Đoạn tuyến có lý trình từ Km1+069,06÷Km1+563,25: Đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng vào ngày 01/7/2021.

(4) Công trình Tuyến đường số 6 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông (*dài khoảng 0,703km*):

- Phần đường: Đã hoàn thành khoảng 80% khối lượng. Hiện tại đoạn đầu tuyến có lý trình từ Km0+00÷Km0+135,0 còn vướng bồi thường, GPMB tại một số vị trí.

- Phần cầu: Đã hoàn thành khoảng 60% khối lượng. Hiện tại, nhịp cầu vượt qua tuyến ống dẫn sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất chưa thể triển khai thi công do phương án đảm bảo an toàn cho tuyến ống chưa được các bên liên quan thống nhất, làm cơ sở trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

(5) Công trình Tuyến đường ngang khu Liên cơ Cảng vụ thuộc dự án Thành phần II, đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (*giai đoạn 2*): Dự án đã hoàn thành 9km tuyến đường chính của dự án và đã được bàn giao đưa vào sử dụng. Riêng hạng mục tuyến đường ngang khu liên cơ cảng vụ đã thực hiện khối lượng đến nay được 5.890.122.000 đồng/15.411.124.000 đồng, đạt 38,21%, còn lại vẫn chưa thực hiện được do vướng bồi thường, GPMB.

a2) Nguyên nhân chậm trễ của các dự án

Nguyên nhân chính dẫn đến việc chậm thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất là do vướng mắc về bồi thường, GPMB kéo dài trong nhiều năm chưa thể giải quyết, dẫn đến không có mặt bằng để triển khai thi công.

Bên cạnh đó, trong quá trình thi công gặp nhiều yếu tố bất lợi như: dịch bệnh Covid-19 kéo dài, thời tiết mưa bão, gặp nền đất yếu phải xử lý kỹ thuật, điều chỉnh thiết kế... cũng ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án.

a3) Giải pháp khắc phục

Trong thời gian đến, Ban Quản lý tập trung, phối hợp với UBND huyện Bình Sơn, chính quyền địa phương các xã, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và các đơn vị liên quan để tháo gỡ, giải quyết các tồn tại, vướng mắc về bồi thường, GPMB; hoàn thiện hồ sơ, đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ thi công, cưỡng chế thu hồi đất đối với các trường hợp cố tình vi phạm kéo dài trong nhiều năm. Trường hợp không thể giải quyết được dứt điểm các vướng mắc về bồi thường, GPMB của các dự án, Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan họp bàn, thống nhất trình cấp thẩm quyền xin dừng dự án (*theo điểm dừng kỹ thuật*) và quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

Mặt khác, khẩn trương hoàn thiện các thủ tục xử lý kỹ thuật, điều chỉnh thiết kế theo quy định (*nếu có*) để thi công hoàn thành dự án theo đúng tiến độ đề ra.

b) Đối với công tác sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất

Phần lớn hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất được đầu tư xây dựng từ khá lâu, nhiều tuyến đường chưa được đầu tư hoàn thiện mặt cắt ngang, hệ thống thoát nước theo quy hoạch nên đã xuống cấp, bị hư hỏng nặng, nhiều tuyến đường giao thông trục chính kết nối KKT Dung Quất và các khu vực xung quanh chất lượng không còn được đảm bảo, cần phải được sửa chữa. Hàng năm, Ban Quản lý được bố trí kinh phí để duy tu, sửa chữa hệ thống hạ tầng giao thông; tuy nhiên, nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên việc sửa chữa chỉ mang tính khắc phục tạm thời, chưa thể tập trung sửa chữa lớn.

Trong năm 2022, Ban Quản lý đã thực hiện sửa chữa các hạng mục công trình: Tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất, tuyến số 3 KCN phía Tây, Tuyến số 5 Đông Doosan, Nút ngã tư Thiên Đàng, các vị trí sụp lún trên tuyến 7,5km thuộc xã Bình Hòa...và hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn KKT Dung Quất, với tổng kinh phí sửa chữa khoảng 17 tỷ đồng; qua đó, góp phần đảm bảo an toàn giao thông cho người dân và phương tiện trong khu vực. Trong năm 2023, Ban Quản lý sẽ bố trí khoảng 15 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư sửa chữa hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT.

Về lâu dài, cần đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất, gồm 03 tuyến đường: Tuyến đường nối Dốc Sỏi - Chu Lai dài khoảng 3,9km; Tuyến đường Võ Văn Kiệt (*đoạn từ Ngã tư Bình Thuận đến cảng Hào Hung*), dài khoảng 3,6 km và Tuyến đường Lâm viên - Vạn Tường, dài khoảng 3,0km, với tổng mức đầu tư khoảng 500

tỷ đồng; hiện nay, cấp thẩm quyền đang cân đối nguồn vốn bố trí để thực hiện dự án.

III. Lĩnh vực y tế, văn hóa

1. Việc thực hiện quy hoạch, tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực ngành y tế

Hiện nay trên địa bàn tỉnh còn tình trạng thiếu nhân lực y tế, một số cơ sở y tế thiếu bác sĩ, nhất là thiếu bác sĩ chuyên khoa, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao...; cơ cấu nguồn nhân lực chưa phù hợp, mất cân đối, thừa chức danh nữ hộ sinh; y tế tuyến xã thiếu nhiều biên chế dực sĩ, y học cổ truyền và thời gian tới sẽ có nhiều bác sĩ đến tuổi nghỉ hưu, trong khi các bác sĩ chính quy trẻ mới ra trường không có nguyện vọng về công tác tại các trạm y tế xã, hơn nữa việc đào tạo liên thông đối với nhân lực y tế đang được siết chặt⁵; bên cạnh đó có nhiều viên chức y tế xin thôi việc, bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng (từ năm 2020 đến tháng 6/2022 có 63 người nghỉ việc)⁶... làm ảnh hưởng đến công tác khám, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trong tỉnh. Đề nghị cho biết:

- Nguyên nhân ngành y tế thiếu nguồn nhân lực và cơ cấu nhân lực chưa phù hợp?

- Nhu cầu tuyển dụng nhân lực của ngành y tế trong 3 đến 5 năm tới như thế nào?

- Ngành y tế có giải pháp, đề xuất chính sách gì để khắc phục tình trạng trên, nhất là trong việc thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, bố trí, đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế trong thời gian tới nhằm thực hiện tốt công tác khám, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là nhân lực y tế ở tuyến xã.

Trả lời:

a) Nguyên nhân ngành y tế thiếu nguồn nhân lực và cơ cấu nhân lực chưa phù hợp

a1) Số lượng nhân lực y tế:

- Biên chế, số người làm việc được giao/phê duyệt năm 2023: 5.145 biên chế, trong đó: Hành chính: 54 người; Sự nghiệp: 5.091 người, trong đó:

+ Số người làm việc được giao cho các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 1.850 người.

⁵ Việc đào tạo chức danh Y sĩ đa khoa bậc trung cấp đã ngừng theo thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ, hiện nay vẫn chưa có cơ chế để đào tạo Y sĩ đa khoa bậc Cao đẳng; hệ liên thông từ Y sĩ đa khoa lên Bác sĩ đa khoa đang được siết chặt theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ "... chỉ tiêu tuyển sinh liên thông chính quy, chỉ tiêu tuyển sinh liên thông vừa làm vừa học không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển sinh chính quy, chỉ tiêu vừa làm vừa học tương ứng theo ngành đào tạo."

⁶ Theo Báo cáo số 1290/BC-SYT ngày 29/7/2022 của Sở Y tế.

+ Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách: 2.575 người.

+ Số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị: 666 người.

- Nhu cầu ước theo Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập⁷:

Tổng số người làm việc cần có (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP): 6.124 (tuyển tỉnh: 2.915; tuyển huyện: 2.065; tuyển xã: 1.144).

- Tổng số viên chức, người lao động hiện có (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP): 4.828 (tuyển tỉnh: 2.192; tuyển huyện: 1.564; tuyển xã: 1.072).

- Số lượng người làm việc được giao còn thiếu theo định mức ước tính Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế: 1.033 người (tuyển tỉnh: 574; tuyển huyện: 475; tuyển xã: thừa 16 người⁸), đạt tỷ lệ 83,13% so với định mức.

* Nguyên nhân:

- Biên chế được giao hàng năm cho ngành Y tế trong những năm qua chưa đủ theo định mức quy định.

- Tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên của các đơn vị quá cao; mặt khác, vừa qua đã xảy ra dịch bệnh Covid-19 nên các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn trong thanh toán tiền lương và phụ cấp nếu tuyển dụng đủ số lượng nhân lực theo định mức quy định.

a2) Cơ cấu nhân lực y tế chưa phù hợp:

(1) Nhân lực Bác sĩ:

Mặc dù gặp không ít khó khăn trong công tác thu hút, tuyển dụng bác sĩ trong những năm qua, tuy nhiên nhờ có chính sách thu hút, đãi ngộ⁹ mà trong giai đoạn từ 2013-2018 đã thu hút, tuyển dụng được một lượng lớn bác sĩ đến công tác trên địa bàn tỉnh¹⁰, Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân tại thời điểm năm 2020 đạt 7,45 cao hơn chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX đề ra (07 bác sĩ/vạn dân). Từ năm 2021 đến nay, hàng năm ngành Y tế đều tổ chức tuyển dụng bác sĩ nên số lượng bác sĩ tiếp

⁷ Thông tư 03/2023/TT-BYT ban hành ngày 17/02/2023 và có hiệu lực từ ngày 05/4/2023, các đơn vị đang rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm, do đó số lượng trên chỉ được ước tính ở mức tương đối.

⁸ Do điều chỉnh địa giới hành chính, một số Trạm Y tế xã giải thể, chia tách, sáp nhập từ 01/4/2020. Tuy nhiên, số lượng người làm việc không cắt giảm do phải duy trì hoạt động tại các Trạm Y tế cũ.

⁹ Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/5/2013, Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND tỉnh.

¹⁰ Tổng số bác sĩ thu hút được trong giai đoạn 2015-2018 là 103 bác sĩ. Số bác sĩ được tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển, bác sĩ chuyển công tác từ tỉnh ngoài đến đạt được trong giai đoạn này tương đối cao: bình quân 23 bác sĩ/năm.

tục tăng tương đối đều (tuy vẫn chưa tuyển đủ theo chỉ tiêu kế hoạch), đến thời điểm hiện tại, tổng số bác sĩ hiện có là 990 người, tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân là 7,75; tổng số bác sĩ hiện có/Tổng số người làm việc hiện có: 990/4.828, chiếm tỷ lệ 20,51% tổng số lượng người làm việc hiện có.

Hiện nay, ngành y tế tỉnh cần bổ sung thêm khoảng 90 Bác sĩ cho các đơn vị tuyển tỉnh, huyện, đặc biệt là Bác sĩ thuộc các chuyên khoa: Tai mũi họng; Răng hàm mặt, Mắt, GMHS, YHCT... tại các đơn vị tuyển huyện. Riêng tại tuyển xã, hiện tại nhân lực Bác sĩ đáp ứng đủ theo nhu cầu (có 187 Bác sĩ/173 xã, phường, thị trấn).

Trong thời gian đến, dự kiến có nguy cơ thiếu bác sĩ, nhất là Bác sĩ có trình độ chuyên môn sâu và Bác sĩ tại tuyến cơ sở, đặc biệt là ở tuyến xã (do mỗi Trạm Y tế chỉ có 01 Bác sĩ được đào tạo liên thông trong giai đoạn trước đây, khi nghỉ hưu sẽ khó có nguồn Bác sĩ để thay thế).

* Nguyên nhân:

- Hàng năm, Sở Y tế và các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên đều xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng nhiều vị trí việc làm là Bác sĩ, song số lượng Bác sĩ đăng ký dự tuyển rất ít, trừ BVĐK tỉnh và Bệnh viện Sản Nhi, các Bác sĩ đăng ký dự tuyển tại các cơ sở y tế còn lại chủ yếu là Bác sĩ được đào tạo theo diện cử tuyển và địa chỉ sử dụng; Bác sĩ đa khoa chính quy hầu như không tuyển dụng được.

- Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; chế độ tiền lương, thu nhập của viên chức hiện nay tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh không đủ sức hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao; chênh lệch thu nhập giữa khối công lập và ngoài công lập quá lớn làm cho nhân lực y tế có trình độ chuyên môn sâu có xu hướng dịch chuyển từ khu vực công lập sang tư nhân.

- Việc đào tạo Bác sĩ chuyên khoa yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề, Bác sĩ sau khi tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa được tuyển dụng phải qua thời gian thực hành 18 tháng để được cấp Chứng chỉ hành nghề sau đó mới được dự tuyển đào tạo chuyên khoa; hơn nữa các chuyên khoa lẻ ít hấp dẫn nên ít được Bác sĩ lựa chọn để được đi đào tạo.

- Nhân lực Bác sĩ tại tuyến y tế cơ sở và các chuyên khoa khó tuyển chủ yếu được đào tạo liên thông từ y sĩ, nhưng trong những năm qua, nhiều trường đào tạo khối ngành Y Dược đã không còn đào tạo chương trình này; một vài trường có tổ chức đào tạo thì mức học phí quá cao nên không thể cử đi đào tạo đối tượng này được.

(2) Về cơ cấu nhân lực Hộ sinh, Dược, Y học cổ truyền chưa đảm bảo, nhất là tại tuyển y tế xã, phường, thị trấn.

* Nguyên nhân thừa nhân lực hộ sinh

- Trong giai đoạn trước năm 2010, việc tiếp nhận sản phụ đến sinh đẻ tại tuyến y tế cơ sở (tuyến huyện và tuyến xã) là khá phổ biến nên các đơn vị đã tuyển dụng chức danh NHS để phục vụ nhu cầu của nhân dân. Những năm gần đây, việc sinh đẻ ở Trạm Y tế giảm dần do người dân có điều kiện lên tuyến huyện, tỉnh để đẻ.

- Việc quản lý, tuyển dụng, tiếp nhận vào hợp đồng nhân viên y tế tuyến xã qua các giai đoạn khác nhau (Sở Y tế, UBND cấp huyện) nên thiếu sự thống nhất trong theo dõi, quản lý viên chức tuyến xã.

* Nguyên nhân thiếu nhân lực YHCT, Dược:

- Do khó khăn trong việc tuyển dụng Bác sĩ YHCT nên nhiều đơn vị không triển khai được hoạt động của khoa YHCT, ảnh hưởng đến số nhân lực chung trong lĩnh vực YHCT (*Bác sĩ YHCT; Y sĩ YHCT; Y sĩ định hướng YHCT*), các đơn vị không có nhu cầu sử dụng Y sĩ YHCT.

- Bình quân số người làm việc hiện có/Trạm Y tế là từ 5-6 người/trạm, trong khi cơ cấu chức danh theo quy định phải đảm bảo tới 6 chức danh (bao gồm: Bác sĩ, Y sĩ, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dân số viên). Để đảm bảo nhân lực đủ điều kiện khám, chữa bệnh BHYT, các Trạm Y tế ưu tiên bố trí nhân lực là Bác sĩ hoặc Y sĩ (chỉ có Bác sĩ, Y sĩ mới có thẩm quyền khám, ký thanh quyết toán với cơ quan BHXH) nên không còn đủ biên chế để tuyển Dược sĩ tại các Trạm Y tế¹¹.

b) Nhu cầu tuyển dụng nhân lực của ngành y tế trong thời gian đến:

Để xác định nhu cầu nhân lực trong thời gian đến, Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (*Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 19/8/2022*), theo đó, đến năm 2025, ngành y tế cần có 6.348 người, trong đó có 1.386 Bác sĩ và Bác sĩ YHDP (*cần bổ sung thêm 396 Bác sĩ*).

c) Giải pháp:

- Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng lại Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023, và Bộ Nội vụ tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở tổ chức tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp lại chức danh nghề nghiệp cho phù hợp, đảm bảo cân đối các nhóm chức danh nghề nghiệp theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng viên chức để bù cho số nghỉ hưu, nghỉ việc, tinh giản biên chế, thôi việc định kỳ hàng năm.

¹¹ Tổng số Bác sĩ hiện có tại Trạm Y tế cấp xã là 187; Tổng số Y sĩ hiện có tại Trạm Y tế cấp xã là 297 người.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; trong đó lưu ý thực hiện việc đào tạo Bác sĩ liên thông từ y sĩ để tạo nguồn nhân lực là Bác sĩ cho tuyến y tế cơ sở¹².

- Không tuyển dụng thêm chức danh Hộ sinh; thực hiện điều chuyển vị trí công tác cho phù hợp giữa tuyến xã, tuyến huyện và giữa các đơn vị để giảm bớt sự mất cân đối; những viên chức là Hộ sinh khi đến tuổi nghỉ hưu sẽ tuyển dụng những vị trí khác cho phù hợp¹³ cho đến khi đảm bảo cân đối số lượng vị trí Hộ sinh theo quy định. Đào tạo và chuyển đổi chức danh nghề nghiệp cho phù hợp¹⁴; đối với số chức danh Hộ sinh còn nhiều thời gian công tác, động viên đi đào tạo chuyển đổi sang điều dưỡng để phù hợp với vị trí việc làm¹⁵. Đối với các trường hợp Hộ sinh không đủ điều kiện hoặc không tham gia đào tạo để chuẩn hóa nâng cao trình độ thì ngành sẽ đề nghị tinh giản biên chế, bố trí công tác khác theo quy định.

d) Kiến nghị:

* Đối với Trung ương:

- Đẩy mạnh tiến trình cải cách tiền lương, tăng thu nhập cho cán bộ, nhân viên y tế công lập, đây là một trong những giải pháp cốt lõi, bền vững để giữ chân cán bộ, nhân viên y tế, thu hút nhân lực trình độ cao tại các cơ sở y tế công lập, giảm chuyển dịch nhân lực sang cơ sở y tế ngoài công lập, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Khi xây dựng cơ chế tiền lương cho ngành y tế cần phải lượng hóa được các yếu tố đặc thù ngành (thời gian cần được đào tạo, bồi dưỡng để hành nghề nhiều hơn so với các ngành khác, áp lực công việc cao, môi trường làm việc độc hại, nguy hiểm,...) để xây dựng phù hợp với đặc thù ngành.

- Ban hành cơ chế, chính sách chính sách thu hút, ưu đãi, khuyến khích, giữ chân,... dành riêng cho cán bộ y tế, nhất là đối với bác sĩ; đề xuất sửa đổi Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ, vì điều kiện, tiêu chuẩn thu hút nhân lực theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP rất cao, trong khi số lượng sinh viên y khoa tốt nghiệp đại học loại xuất sắc rất ít, hầu như không thể thu hút được.

* Đối với tỉnh:

¹² Hiện tại, Sở Y tế đang thống kê, khảo sát nhu cầu đào tạo Bác sĩ đa khoa hệ liên thông/liên thông chính quy giai đoạn 2023-2025 trong toàn ngành; sau khi có kết quả khảo sát, Sở Y tế sẽ báo cáo xin ý kiến của UBND tỉnh và làm việc với Trường để tổ chức các lớp đào tạo.

¹³ Từ năm 2015 đến nay, Sở Y tế không tuyển dụng vị trí hộ sinh nào.

¹⁴ Năm 2020-2021: Sở Y tế đã thực hiện chuyển chức danh nghề nghiệp 12 viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện từ chức danh Hộ sinh viên sang các chức danh khác (Điều dưỡng viên; Dân số viên).

¹⁵ Hiện tại, có 26 Hộ sinh đã được đào tạo các chuyên ngành khác (Điều dưỡng, Y tế công cộng), Sở Y tế sẽ tiếp tục rà soát, xây dựng phương án chuyển chức danh nghề nghiệp khi đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Xem xét, điều chỉnh tỷ lệ đảm bảo thi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp, đảm bảo để các đơn vị có đủ kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho viên chức, người lao động trong đơn vị theo đúng định mức quy định, đồng thời có tích lũy để tạo thu nhập tăng thêm, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế.

- Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, đề nghị cấp có thẩm quyền giao đủ số lượng người làm việc theo định mức (*Sở Y tế sẽ rà soát, tính toán lại định mức số lượng người làm việc mới gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung*).

- Xem xét ban hành chính sách đãi ngộ đối với nhân lực y tế đặc biệt là Bác sĩ, nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao (CKI, CKII, Thạc sĩ, Tiến sĩ)...

2. Về thực hiện chuyển đổi số

2.1. Chuyển đổi số là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta, tỉnh Quảng Ngãi đang trong giai đoạn triển khai thực hiện chuyển đổi số. Tuy nhiên, theo kết quả Tổng thể xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) được công bố tại website <https://dti.gov.vn> thể hiện chỉ số DTI của tỉnh ta trong năm 2020 và 2021 nằm ở thứ hạng thấp so với trung bình cả nước (*năm 2020 xếp hạng 47/63 tỉnh với chỉ số DTI là 0,2633; năm 2021 xếp hạng 60/63 tỉnh với chỉ số DTI là 0,2707*). Đề nghị cho biết nguyên nhân chỉ số DTI của tỉnh ta thấp hơn trung bình của cả nước? Trong năm 2022 tỉnh ta đã có những giải pháp gì để nâng chỉ số DTI của tỉnh và kết quả thực hiện đạt được như thế nào?

Trả lời:

Năm 2021, lần đầu tiên Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số (DTI). Theo đó, chỉ số DTI của tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ 47/63 với điểm số 0,2663 điểm¹⁶; năm 2022, công bố chỉ số DTI của năm 2021 thì tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ 60/63 với điểm số 0,2707 điểm¹⁷. Như vậy, về điểm số năm 2021 tỉnh Quảng Ngãi có tăng so với năm 2020 nhưng vị trí xếp hạng giảm 13 bậc, điều này chứng tỏ các tỉnh có sự phát triển rất lớn về công tác chuyển đổi số. Chỉ số DTI tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ hạng thấp là do một số nguyên nhân chính sau:

(1) Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 749/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển đổi số là quá trình lâu dài, cần lộ trình

¹⁶ Đà Nẵng dẫn đầu với 0,4874; Ninh Thuận đứng cuối với 0,2108 điểm

¹⁷ Đà Nẵng dẫn đầu với 0,6419; Bạc Liêu đứng cuối với 0,2489 điểm

thực hiện cụ thể nhưng sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, nguồn lực để thực hiện trong năm 2021¹⁸ còn hạn chế và cùng với bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát, tỉnh đã tập trung nhiều nguồn lực cho công tác phòng chống dịch, nhất là triển khai các giải pháp công nghệ trong hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19¹⁹ và các địa phương trong tỉnh chưa dành nhiều nguồn lực để thực hiện. Trong khi đó, nhiều tỉnh, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai và *ưu tiên bố trí nguồn lực từ cuối năm 2020 để triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 2021.*

(2) Chuyển đổi số cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân, doanh nghiệp, trong đó vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên, trong năm 2021, sự vào cuộc cho công tác chuyển đổi số ở người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự đúng mức và nhận thức về chuyển đổi số chưa được rõ nét; sự quyết tâm phát triển chuyển đổi số của người đứng đầu các đơn vị, địa phương còn chưa cao, chưa chuyển biến thành các hành động cụ thể. Nhận thức chung về chuyển đổi số của nhiều cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; công tác chuyển đổi số của các địa phương trong tỉnh mới được thể hiện trên các kế hoạch, chưa quan tâm bố trí nguồn lực và chưa triển khai thực hiện một cách thực chất. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực tham mưu công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chất lượng chưa cao và việc tuyển dụng còn khó khăn.

(3) Ngày 20/5/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 922/QĐ-BTTTT về phê duyệt Đề án “xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của quốc gia” *nhưng đã được áp dụng vào để đánh giá, chấm điểm chỉ số DTI cho năm 2021.* Do đó, nhiều chỉ tiêu thành phần trong bộ chỉ số đánh giá mới là khó triển khai so với nguồn lực hiện tại của tỉnh Quảng Ngãi, như: đào tạo nguồn nhân lực số, xã hội số, hạ tầng số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp...

Năm 2022, cả hệ thống chính trị của tỉnh tăng cường sự quan tâm trong công tác chuyển đổi số. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND tỉnh đã ban hành 08 kế hoạch, quyết định liên quan đến công tác báo chí, truyền thông; 18 kế hoạch, quyết định liên quan đến công tác phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin và nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện về công chuyển đổi

¹⁸ Năm 2021, Quảng Ngãi chủ yếu tập trung ưu tiên cho thuê dịch vụ triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh: Công Thông tin điện tử, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính...

¹⁹ Hệ thống cấp và quản lý giấy đi đường, công tác tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19, Hệ thống khai báo y tế mã QR, ứng dụng PC-Covid, triển khai bản đồ cấp độ dịch Covid tỉnh Quảng Ngãi

số. Các sở, ngành, địa phương trong tỉnh đã thể hiện sự quyết tâm rất lớn của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đối với công tác chuyển đổi số. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tỉnh đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp để đánh giá, kịp thời chỉ đạo những nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến và *phân công thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm và theo dõi, thúc đẩy thực hiện các chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai và đạt nhiều kết quả quan trọng trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2022, như:

Hợp tác với các cơ quan báo chí trung ương, địa phương tuyên truyền đậm nét về công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Lần đầu tiên tổ chức Hội thi tuyên truyền CCHC bằng hình thức sân khấu hóa với sự tham gia của 13 đoàn đến từ 13 huyện, thị xã, thành phố. Ứng dụng các nền tảng trí tuệ nhân tạo để truyền thông trên nền tảng số, màn hình LED; Bản tin cải cách hành chính được phát hành dưới dạng bản tin số và được gửi đến người dân thông qua Zalo. Xây dựng, vận hành chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi tại <https://chuyendoiso.quangngai.gov.vn> và thường xuyên cập nhật hơn 300 tin, bài trên các nền tảng số; chuyên mục chuyển đổi số trên Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh được phát sóng định kỳ.

Các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh được triển khai đồng bộ đến cấp xã. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (iGate) tỉnh đã tích hợp với Hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương²⁰. Đầu tháng 12/2022, Quảng Ngãi là *16/63 địa phương trong cả nước đã chính thức kết nối vào CSDL quốc gia về dân cư*²¹. Hiện nay, công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa của các cấp có thể *khai thác 20 trường thông tin từ CSQL quốc gia về dân cư* để xác định thông tin về công dân, thuận tiện trong việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Cùng với đó, triển khai nhiều kênh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong thực hiện các thủ tục hành chính. Triển khai thử nghiệm các nền tảng số: Công dữ liệu mở tỉnh; Hệ thống tổng hợp, phân tích dữ liệu; Tích hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo Chatbot vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Tổng đài ảo (Calbot) hỗ trợ người dân về các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính.

²⁰ Cổng Dịch vụ công Quốc gia của Văn phòng Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an, Hệ thống Lý lịch Tư pháp và Quản lý Hộ tịch của Bộ Tư pháp, Hệ thống cấp mã số ngân sách của Bộ Tài chính, Hệ thống đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống VNPOST của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Hệ thống quản lý đất đai VBDLIS của Bộ Tài nguyên và Môi trường

²¹ Quảng Ngãi là 06/63 địa phương nâng cấp lên iGate 2.0 kết nối CSDL quốc gia về dân cư

Tổ chức 10 lớp tập huấn để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kiến thức cơ bản về ứng dụng các nền tảng số, công tác số hóa trong tỉnh²². Tổ chức Hội thảo “Chuyển đổi số doanh nghiệp - Phục hồi và phát triển” với sự tham gia của hơn 430 đại biểu; Hội thảo “Hội thảo kết nối cung cầu về sản phẩm, dịch vụ Công nghệ thông tin khu vực Miền Trung” với sự tham gia của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh khu vực miền Trung; triển khai tập huấn về chuyển đổi số xã cho 176 đồng chí là chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh thông qua nền tảng số Onetouch. Hướng dẫn kỹ năng sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến cho thành viên các Tổ Công nghệ số cộng đồng bằng hình thức trực tuyến đến 13 điểm cầu cấp huyện và 173 điểm cầu cấp xã với sự tham gia của hơn 4.500 thành viên; phát động phong trào dịp hè năm 2022 trong ngành Giáo dục và Đào tạo về chuyển đổi số đến hơn 400 điểm cầu trực tuyến trong toàn tỉnh với sự tham gia của hơn 14.000 giáo viên và ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã nhân rộng mô hình đến 39.000 học sinh trên địa bàn tỉnh. Là một trong những tỉnh đầu tiên triển khai và hoàn thành thành lập 100% các Tổ Công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn, tổ dân phố và đã triển khai hiệu quả nhiều đợt tập huấn về chuyển đổi số cho hơn 58 nghìn lượt người tham gia, là một trong những tỉnh *dẫn đầu toàn quốc trong công tác đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số năm 2022*.

Với những kết quả đã đạt được như trên, tỉnh cũng đã hoàn thành tự chấm điểm DTI năm 2022 trên hệ thống với *điểm số tự đánh giá đã có sự tăng trưởng khá lớn*, Bộ Thông tin và Truyền thông đang thẩm định và *dự kiến sẽ công bố chỉ số DTI năm 2022 vào tháng 6/2023*.

2.2. Công tác bố trí nguồn lực, đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực,... phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh như thế nào, có đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác chuyển đổi số chưa? có khó khăn, vướng mắc gì?

Trả lời:

Năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, *giảm 50% mức phí, lệ phí khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến*

²² 01 lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, chuyển đổi số công chức chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số, ATTT các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; 04 lớp tập huấn về chuyển đổi số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho 250 cán bộ Đoàn thanh niên các cấp; 04 lớp tập huấn về chuyển đổi số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, số hóa cho 240 công chức, viên chức tại bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã.

nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp. UBND tỉnh đã ban hành 08 kế hoạch, quyết định liên quan đến công tác báo chí, truyền thông; 18 kế hoạch, quyết định liên quan đến công tác phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin và nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện về công chuyển đổi số.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 1557/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 Quy định về đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025; theo đó, UBND tỉnh và các địa phương trong tỉnh *bố trí tối thiểu 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cho thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2023 – 2025 (theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng chi cho CDS năm 2022 tỉnh ta khoảng 0,38%)*. Mặc dù công tác CDS đã được quan tâm đầu tư đối với công tác chuyển đổi số nhưng vẫn còn thấp so với tỉnh khác: Quảng Nam bố trí khoảng 2% tổng chi ngân sách hàng năm cho chuyển đổi số; Bình Phước đã đạt mức 1% năm 2022; Hải Phòng chi cho chuyển đổi số năm 2022 là 500 tỷ... *Bên cạnh đó, các địa phương trong tỉnh hoàn toàn trông chờ vào ngân sách tỉnh mà chưa quan tâm bố trí nguồn lực cho công tác này.*

Thực hiện quy định thời kỳ ổn định ngân sách nên kinh phí giao dự toán hàng năm đối với Sở Thông tin và Truyền thông không tăng, trong khi kinh phí năm sau tăng hơn năm trước do *kinh phí thuê dịch vụ đối với các nền tảng số dùng chung cho cả tỉnh*. Do đó, kinh phí phục vụ cho công tác chuyển đổi số thường xuyên phải được bổ sung trong năm nên rất bị động trong triển khai thực hiện và thiếu tính chiến lược.

Hạ tầng phục vụ công tác chuyển đổi số ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu, chủ yếu sử dụng kinh phí tự chủ để trang bị máy tính phục vụ công chức, viên chức làm việc. Qua khảo sát 31 sở, ban, ngành, hội đoàn thể hiện có 4.670 máy tính, trong đó có 1.408 máy tính chưa đáp ứng yêu cầu và cần thay thế để bảo đảm yêu cầu công việc.

Nguồn nhân lực tham mưu công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu công việc, việc tuyển dụng khó và tỉnh chưa có chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức trong lĩnh vực này.

Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh tại Công văn số 91/CTK-TH ngày 27/2/2023, Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh trong năm 2022 là 2,05% - đây là con số khá thấp so với các mục tiêu của Trung ương và tỉnh đặt ra (*đến năm 2025 tỷ trọng kinh tế số đạt 10%*). Do đó, cần sự vào cuộc quyết liệt của các sở, ngành, địa phương trong tỉnh đối với lĩnh vực kinh tế số.

Khó khăn lớn nhất hiện nay là *nhận thức về chuyển đổi số* và kỹ năng số của công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; quyết tâm, gương mẫu của người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương và công chức,

viên chức về chuyển đổi số và *người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương không có quyết tâm thì chuyển đổi số sẽ không thành công*. Chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị, trọng tâm, thường xuyên, liên tục của tất cả các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị nhưng vẫn còn tư tưởng là của ngành thông tin và truyền thông.

2.3. Việc chuyển đổi số ở ngành tài nguyên, môi trường có vai trò quan trọng trong giai đoạn hiện nay, nhất là công tác quản lý nhà nước về đất đai,... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số PCI của tỉnh. Đề nghị cho biết việc thực hiện chuyển đổi số của ngành đến nay như thế nào? Có thuận lợi, khó khăn gì? Có giải pháp gì để thực hiện tốt công tác chuyển đổi số của ngành trong thời gian tới.

Trả lời:

a) Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chuyển đổi số:

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã quán triệt đầy đủ các nghị quyết của Đảng, quyết định, chỉ thị của Chính phủ, của Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo, kế hoạch của UBND tỉnh về chuyển đổi số và thực hiện các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số.

- Để tập trung chỉ đạo công tác chuyển đổi số đã ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo²³, thành lập Tổ giúp việc ban chỉ đạo chuyển đổi số của Sở²⁴.

- Trên cơ sở các kế hoạch của UBND tỉnh²⁵ và Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 24/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành nhiều kế hoạch để cụ thể hóa và triển khai thực hiện, gồm: (1) Kế hoạch số 5004/KH-STNMT ngày 30/9/2022 về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và kinh tế số, xã hội số năm 2023 của Sở TN&MT; (2) Kế hoạch số 948/KH-STNMT ngày 08/3/2023 về khắc phục những tồn tại, hạn chế trong năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính Sở TN&MT năm 2023; (3) Kế hoạch số 971/KH-STNMT ngày 8/3/2023 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2023; (4) Kế hoạch số 1106/KH-STNMT ngày 15/3/2023 về việc tuyên truyền cải cách hành chính của Sở TN&MT năm 2023; (5) Kế hoạch số 756/KH-STNMT ngày 24/2/2023 về việc truyền thông

²³ Quyết định số 373/QĐ-STNMT ngày 26/12/2022.

²⁴ Quyết định số 374/QĐ-STNMT ngày 26/12/2022.

²⁵ (1) Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; (2) Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; (3) Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

b) Một số nhiệm vụ đã thực hiện phục vụ chuyển đổi số:

b1. Về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh:

Sau khi kết thúc Dự án VLAP (năm 2015) toàn tỉnh có 77/184 xã, thị trấn thuộc 8/13 huyện, thành phố²⁶, “9 xã Khu kinh tế Dung Quất” thuộc huyện Bình Sơn đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (*thời điểm này chưa có đơn vị nào được xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai*) và được vận hành theo mô hình tập trung tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh) từ năm 2016 bằng phần mềm VILIS.

Thực hiện Dự án VILG, từ năm 2021 đến nay Sở Tài nguyên và Môi trường giao Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (CSDL đất đai) trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Tịnh và đã tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia. Đồng thời hoàn thành công tác chuẩn hóa chuyển đổi, bổ sung CSDL đất đai của 51/61 xã, phường, thị trấn thuộc 06 huyện²⁷ (10 xã còn lại đang tích hợp vào hệ thống) và được vận hành trên phần mềm VBDLIS đáp ứng tốt yêu cầu giải quyết hồ sơ đất đai, tăng hiệu quả cải cách TTHC.

b2. Ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC:

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đưa vào vận hành từ năm 2018 do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, triển khai. Hệ thống hiện nay đã đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (*Nghị định 42/2022/NĐ-CP, Nghị định 107/2021/NĐ-CP, Quyết định 468/QĐ-TTg, Công văn số 1552/BTTTT-TTH*). Đáp ứng việc sử dụng tài khoản dịch vụ công (DVC) quốc gia và tài khoản định danh điện tử để đăng nhập thực hiện các TTHC, có thể sử dụng các thông tin đã được cập nhật trên Cổng DVC quốc gia và cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư mà không cần phải khai báo lại.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã tích hợp, kết nối và sử dụng nền tảng thanh toán của Cổng dịch vụ công quốc gia để thanh toán các loại thuế, phí, lệ phí cho tổ chức và cá nhân, trong đó nhiều nhất là thanh toán nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực đất đai (*đến nay, 13/13 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đã thực hiện kết nối thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai, các loại phí, lệ phí trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia*).

- Hệ thống phần mềm một cửa điện tử dùng chung của tỉnh Quảng Ngãi (<https://motcua.quangngai.gov.vn>) được ứng dụng tại bộ phận một cửa

²⁶ gồm: Lý Sơn, Minh Long, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Nghĩa Hành, “10 xã: Thị trấn Trà Xuân, Trà Giang, Trà Bình, Trà Bùi, Trà Hiệp, Trà Tân, Trà Sơn, Trà Thủy, Trà Phú, Trà Lâm” thuộc huyện Trà Bồng, “3 xã Nghĩa An, Nghĩa Hà, Nghĩa Phú” thuộc thành phố Quảng Ngãi.

²⁷ Lý Sơn, Minh Long, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Trà Bồng.

Văn phòng ĐKDD tỉnh và Chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố. Theo đó, hồ sơ giải quyết TTHC cho tổ chức và công dân được thực hiện nhanh chóng, chính xác; việc xử lý, luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan, đơn vị và bộ phận liên quan được kiểm soát chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi, chỉ đạo giải quyết hồ sơ của tổ chức và công dân đúng quy định.

- Áp dụng tốt các phần mềm VILIS, VBDLIS,... phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

b3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan, đơn vị:

- Hạ tầng công nghệ thông tin của hệ thống Văn phòng ĐKDD tỉnh đã được đầu tư, nâng cấp thiết bị, máy móc đáng kể trong thời gian qua, tạo nền tảng cho triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, tuy nhiên vẫn chưa bảo đảm nhu cầu thực tế nên hiệu quả đạt được chưa cao.

- Mạng truyền số liệu đã được duy trì kết nối liên thông đến 13 Chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố và 63 xã, thị trấn đáp ứng nhu cầu trao đổi dữ liệu, khai thác các ứng dụng và dịch vụ dùng chung, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chuyên môn.

- Tổ chức triển khai đến các phòng, đơn vị liên quan, Chi nhánh 13 huyện, thị xã, thành phố và toàn thể viên chức, người lao động trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm ứng dụng dùng chung như (VILIS 2.0, SVN, FTP).

- Ứng dụng chữ ký điện tử trong việc luân chuyển hồ sơ đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, giúp việc thực hiện được nhanh, gọn và giảm chi phí so với trước đây.

- Bảo đảm công tác an ninh thông tin và bảo mật an toàn dữ liệu tại đơn vị.

b4. Về thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Với phương châm “*lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu, động lực; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp để đánh giá hiệu quả*”, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, ứng dụng hiệu quả công nghệ số, tạo đột phá trong cải cách hành chính, trọng tâm là đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường tập trung rà soát, lựa chọn đề xuất các thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến, cụ thể:

- Đề xuất 75 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong đó: (1) 15 TTHC đủ điều kiện đưa lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (2) 45 TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính để cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến; (3) Thí điểm 15 thủ tục đủ điều kiện để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến.

- Để thực hiện có hiệu quả và trọng tâm trong công tác chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường, trọng tâm trong lĩnh vực đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện việc chuyển liên thông 3 cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đối với lĩnh vực đất đai trong quý I/2023;

c) Khó khăn, vướng mắc:

- Hiện nay, còn một số địa phương chưa được đo đạc thành lập bản đồ địa chính chính quy và xây dựng cơ sở dữ liệu (Sơn Tây, Sơn Hà và 06 xã huyện Trà Bồng) nên hồ sơ địa chính không đồng bộ ở các cấp. Mặt khác, hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh (trừ 08 huyện, thành phố đã thực hiện Dự án VILG và 9 xã Khu kinh tế Dung Quất) đang lưu trữ nhiều loại hồ sơ qua các thời kỳ nên gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý cũng như việc lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính, tra cứu và cung cấp thông tin phục vụ người dân.

- Việc triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan vẫn còn nhiều hạn chế, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý điều hành chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, chưa liên thông và chưa được chia sẻ với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Hạ tầng công nghệ thông tin còn thiếu, xuống cấp chưa đáp ứng được nhu cầu công việc; chất lượng đường truyền, máy chủ hệ thống CSDL quốc gia về dân cư đôi lúc bị quá tải, dẫn đến việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, giải quyết, xử lý trên hệ thống bị chậm, phát sinh lỗi.

- Hiện nay chưa có hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể trong công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến đối với hồ sơ giải quyết TTHC về đất đai (*như: chưa quy định về thời điểm thu bản gốc GCN, thời điểm thu phí lệ phí, phí dịch vụ...*).

d) Giải pháp thực hiện:

- Thúc đẩy chuyển đổi số trên nền tảng tài nguyên số, dữ liệu lớn; bố trí kinh phí và tập trung chỉ đạo công tác xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường, trọng tâm là cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, tập trung, kết nối với dữ liệu dân cư, tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến được giao tại Đề án 06; tiếp tục triển khai, vận hành, kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia; đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng được nhu cầu công việc. Từ đó đơn giản hóa thủ tục hành chính và chi phí thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, tăng cường ứng dụng công nghệ; chuyển đổi mạnh mẽ mô hình quản lý theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp, kiến tạo cho phát triển; đào tạo, cập nhật thường xuyên kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức, phát triển nguồn nhân lực.

- Hoàn thiện đồng bộ thể chế về quản lý tài nguyên, tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh

doanh nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai. Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, nguồn thu từ đất đai.

- Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, nhũng nhiễu trong quản lý tài nguyên và môi trường; giải quyết tình trạng lãng phí đất đai, trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2.4. Sự vào cuộc của các ngành, các cấp đối với công tác chuyển đổi số, nhất là ở các nhóm ngành: Giáo dục và đào tạo, y tế, thương mại, dịch vụ, du lịch, viễn thông... đến nay như thế nào?

Trả lời:

Chuyển đổi số diễn ra trong tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội với 03 trụ cột chính là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thời gian qua, các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh đã thực sự quan tâm đến công tác chuyển đổi số, cụ thể:

(1) Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều các lớp tập huấn, các buổi phát động cho giáo viên, học sinh để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng với hơn 53 nghìn người tham gia. Ứng dụng công nghệ thông tin điện tử và các kênh tương tác trực tuyến giữa trường học với phụ huynh học sinh, khuyến khích phụ huynh phổ cập sử dụng điện thoại thông minh tương tác với nhà trường; Hoàn thiện hệ thống học bạ điện tử của học sinh; Triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt; Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử; Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến...

(2) Ngành Y tế cũng đã tập trung nguồn lực triển khai công tác chuyển đổi số, trọng tâm là chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; chuyển đổi số bệnh viện nhằm đảm bảo 100% cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh, huyện, xã triển khai phần mềm Quản lý bệnh viện (HIS) kết nối liên thông với Công dữ liệu Bộ Y tế, Công BHXH. Riêng tại tuyến xã triển khai phần mềm quản lý toàn diện hoạt động của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn. Các cơ sở khám, chữa bệnh đồng loạt triển khai các giải pháp nhằm giảm thời gian chờ đợi của người bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ như: hệ thống lấy số tự động, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt và triển khai Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử. Các cơ sở khám chữa bệnh cũng đã đầu tư hạ tầng và triển khai khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ căn cước công dân hoặc qua ứng dụng VneID tạo điều kiện rút ngắn thời gian cho người dân; tiếp tục hoàn thiện hạ tầng triển khai liên thông dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khoẻ lái xe,...

Đã triển khai tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa qua phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” trong toàn ngành, tuyên truyền cho người dân, người bệnh sử dụng ứng dụng phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” ngay tại tuyến y tế cơ sở, đặt lịch hẹn và tư vấn khám, chữa bệnh một cách nhanh chóng, cơ hội được tiếp cận với đội ngũ bác sĩ trình độ cao ở tuyến trên; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, hình thành các bệnh viện thông minh góp phần thúc đẩy chuyển đổi số ngành Y tế.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã thí điểm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh không in phim (PACS) vào hoạt động; quy trình này đã tạo bước tiến quan trọng để các bệnh viện tiến gần hơn tới việc số hóa các thông tin về y khoa theo mô hình Bệnh án điện tử, qua đó giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi cho người bệnh và nâng cao hiệu quả hội chẩn chuyên gia từ xa, đồng thời góp phần giảm chi phí và bảo vệ môi trường khi không phải in phim.

(3) Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80% (tăng so với năm 2022: tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%). Ngoài ra, cũng đã thực hiện một số nội dung nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển thương mại điện tử như: Tổ chức diễn đàn thương mại điện tử và kết nối giao thương trực tuyến Quảng Ngãi năm 2023; Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các thương nhân sản xuất kinh doanh và các thương nhân xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử tỉnh; Tập huấn nâng cao năng lực về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại cho các sở, ngành và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(4) Ngành Du lịch Quảng Ngãi cũng đang từng bước nỗ lực ứng dụng công nghệ số vào hoạt động du lịch như: sử dụng App Du lịch Quảng Ngãi nhằm giới thiệu, quảng bá về hình ảnh quê hương, con người, văn hóa, lịch sử Quảng Ngãi, cá thông tin về hoạt động du lịch, các liên kết tiện ích tìm kiếm trải nghiệm du lịch nhanh chóng và thông minh. Thời gian qua, App Du lịch Quảng Ngãi đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ tích cực từ doanh nghiệp du lịch cũng như du khách trong và ngoài nước.

(5) Về lĩnh vực viễn thông: 100% các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh đã được phủ sóng di động 2G/3G/4G; mạng truyền dẫn cáp quang tới trung tâm xã đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng trên 85%; Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 80%. Hiện trên địa bàn tỉnh còn 10 thôn, xóm lǎm sóng di động sẽ được phủ sóng trong cuối năm 2023 và đầu năm 2024.

2.5. Hiện nay, chúng ta đang thực hiện chuyển đổi số trên 3 trụ cột chính là: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, việc tham gia của người dân vào xã hội số có vai trò rất quan trọng, tạo động lực để thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Tuy nhiên, sự quan tâm của người dân đối với việc chuyển đổi số ở tỉnh ta còn thấp (ví dụ như: trong năm 2022, chỉ có khoảng 4.200 lượt thành viên quan tâm kênh Zalo chuyển đổi số quốc gia, tin có nhiều lượt xem nhất ở chuyên trang <http://chuyendoiso.quangngai.gov.vn> là hơn 37.000 lượt; các trang fanpage của các cơ quan nhà nước trên mạng xã hội hiện nay ít thu hút sự tương tác giữa cơ quan và người dân...). Đề nghị cho biết nguyên nhân chưa thu hút được nhiều người dân tham gia vào chuyển đổi số, xây dựng xã hội số? nêu giải pháp cụ thể để thu hút người dân tham gia thực hiện chuyển đổi số, nhất là trong việc thông tin, truyền thông đến người dân được hiệu quả hơn?

Trả lời:

Chuyển đổi số diễn ra trong tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội với 03 trụ cột chính là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Các chủ trương về chuyển đổi số, cải cách hành chính đều hướng đến mục tiêu là phục vụ người dân và doanh nghiệp. Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai nhiều giải pháp công nghệ để nâng cao hiệu quả truyền thông, có những nội dung truyền thông đến **hơn 20 nghìn lượt người quan tâm** trên các nền tảng số và có những bài viết có **hơn 37 nghìn lượt người xem** (đây là những con số rất lớn đối với mỗi tin, bài viết cụ thể đối với cơ quan nhà nước; khoảng 4.200 lượt thành viên quan tâm kênh Zalo Chuyển đổi số quốc gia là số liệu phát động tại Hội nghị tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2022).

Tuy nhiên, người dân chưa tham gia vào quá trình chuyển đổi số nhiều do một số nguyên nhân chính sau: Thay đổi nhận thức, thói quen của người dân cần có thời gian, không thể đòi hỏi một sớm một chiều; Thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tỉnh đã vào cuộc với công tác chuyển đổi số, nhiều hình thức tuyên truyền sâu rộng về chuyển đổi số, lợi ích của chuyển đổi số mang lại nhưng người dân chưa hiểu rõ về chuyển đổi số và những lợi ích mà nó mang lại bởi nhận thức, thói quen và văn hóa. Nhiều công chức, viên chức cũng chưa nhận thức rõ về chuyển đổi số, ngại đổi mới, tiếp cận công nghệ mới nên người dân chưa quan tâm nhiều cũng là điều dễ hiểu. Một số người dân, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn hay vùng sâu, vùng xa có kỹ năng sử dụng các công nghệ số còn thấp. Điều kiện để người dân có thể tiếp cận các nền tảng số còn hạn chế (như smartphone). Điều này khiến việc thực hiện chuyển đổi số trở nên khó khăn hơn.

Để nâng cao hiệu quả truyền thông về chuyển đổi số, thời gian đến cần triển khai một số giải pháp sau:

(1) Sự vào cuộc thực sự của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác chuyển đổi số. Trước tiên, công chức, viên chức phải tiên phong trong thực hiện, trong thay đổi để người dân hưởng ứng làm theo. Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp phải nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng để đi từng ngõ, gõ từng nhà để hỗ trợ người dân những kỹ năng về chuyển đổi số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, để người dân thấy rõ lợi ích của chuyển đổi số mang lại và thực hiện.

(2) Ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo để truyền thông trên các nền tảng số với phương châm dễ nhớ, dễ hiểu, dễ tiếp cận và có thể thực hiện ngay. Truyền thông chủ động đến từng lứa tuổi với những nội dung phù hợp. Đồng thời, kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền sâu rộng và ai cũng có thể tiếp cận được như: tuyên truyền thông qua các hình thức sân khấu hóa, thông qua các cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến, các cuộc thi clip về chuyển đổi số trên các nền tảng số...

(3) Hợp tác với các cơ quan báo chí, truyền thông Trung ương, địa phương để truyền thông về chuyển đổi số, về cải cách hành chính; duy trì hoạt động các chuyên trang, chuyên mục trên các trang thông tin điện tử, nền tảng số của cơ quan, đơn vị và trên hệ thống truyền thanh cơ sở.

Chuyển đổi số là cuộc cách mạng toàn dân và lâu dài, chỉ khi nào văn hóa người dân thay đổi để khi tương tác với chính quyền là nghĩ ngay đến dịch vụ công trực tuyến, khi thanh toán là nghĩ ngay đến không dùng tiền mặt, khi mua sắm nghĩ ngay đến các hình thức mua sắm trực tuyến thì chuyển đổi số chúng ta mới thành công. Đồng thời, chuyển đổi số thì người dùng công nghệ quan trọng hơn là công nghệ. Do đó, mỗi công chức, viên chức phải gương mẫu đi đầu trong ứng dụng các nền tảng số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, có kỹ năng tương tác trên môi trường số an toàn, là một công dân số thực thụ để mỗi người dân làm theo./.